

Số: 2232 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 09 tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực
Kế hoạch và Đầu tư trên địa bàn thành phố Hải Phòng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 về kiểm soát thủ tục hành chính; số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: Số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính; số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ các quyết định công bố thủ tục hành chính của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019; số 1831/QĐ-BKHĐT ngày 21/11/2019; số 1327/QĐ-BKHĐT ngày 28/8/2020; số 357/QĐ-BKHĐT ngày 02/4/2021; số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021; số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 và các văn bản quy phạm pháp luật liên quan;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 26/TTr-KHĐT ngày 15/7/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục Thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thực hiện việc công khai Danh mục và nội dung chi tiết thủ tục hành chính lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 994/QĐ-CT ngày 26/4/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Kế hoạch và Đầu tư trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, phường, xã, thị trấn trên địa bàn thành phố Hải Phòng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ KH&ĐT;
- VPCP (Cục KSTTHC);
- TTTU, TT HỘNDTP;
- CT, các PCT UBND TP;
- CVP, các PCVP UBND TP;
- Đài PTTH HP, Báo HP,
Chuyên trang ANHP;
- Công TTĐTTP;
- Phòng: KSTTHC, NC&KTGS, TC&NS;
- CV: KSTTHC;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tùng

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG (134 TTHC)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2232 /QĐ-UBND ngày 09 tháng 8 năm 2021
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ
(02 TTHC)

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VNĐ)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyến mức độ (3, 4)	Dịch vụ bưu chính công ích	
I. Lĩnh vực đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP (02 TTHC)							
1	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất.	- Thẩm định 30 ngày; - Phê duyệt 15 ngày	Ủy ban nhân dân thành phố	Không			- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020; - Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021; - Quyết định số 357/QĐ-BKHĐT ngày 02/4/2021.
2	Thẩm định nội dung điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư, quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất.	- Thẩm định 30 ngày; - Phê duyệt 15 ngày	Ủy ban nhân dân thành phố	Không			- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020; - Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021 - Quyết định số 357/QĐ-BKHĐT ngày 02/4/202.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ (25 TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Cơ quan xử lý	Phí, lệ phí	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Ủy ban nhân dân thành phố			Dịch vụ công trực tuyến mức độ (3, 4)	Dịch vụ bưu chính công ích	
I. Lĩnh vực đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (01 TTHC)								
1	Danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư)	30	10	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không			- Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013; - Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28/02/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 06/2020/TT-BKHĐT ngày 18/9/2020; - Quyết định số 357/QĐ-BKHĐT ngày 02/4/2021.
II. Lĩnh vực đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP (02 TTHC)								
1	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	- Thẩm định 30 ngày; - Phê duyệt 15 ngày		Ủy ban nhân dân thành phố	Không			- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020; - Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021; - Quyết định số 357/QĐ-BKHĐT ngày 02/4/2021.
2	Thẩm định nội dung điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi, quyết định phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất	- Thẩm định 60 ngày; - Phê duyệt 15 ngày		Ủy ban nhân dân thành phố	Không			- Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 ngày 18/6/2020; - Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29/3/2021; - Quyết định số 357/QĐ-BKHĐT ngày 02/4/2021.
III. Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam (12 TTHC)								

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Cơ quan xử lý	Phí, lệ phí	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Ủy ban nhân dân thành phố			Dịch vụ công trực tuyến mức độ (3, 4)	Dịch vụ bưu chính công ích	
1	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố	25	07	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không		x	- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021.
2	Thủ tục điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố	25	07	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không		x	- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021.
3	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố.	25	07	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không		x	- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021.
4	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố	25	07	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không		x	- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021.
5	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Ủy ban nhân dân thành phố	25	07	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không		x	- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Cơ quan xử lý	Phí, lệ phí	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Ủy ban nhân dân thành phố			Dịch vụ công trực tuyến mức độ (3, 4)	Dịch vụ bưu chính công ích	
6	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Ủy ban nhân dân thành phố.	25	07	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không		x	- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021.
7	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Ủy ban nhân dân thành phố.	25	07	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không		x	- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021.
8	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Ủy ban nhân dân thành phố.	25	07	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không		x	- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021.
9	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Ủy ban nhân dân thành phố.	25	07	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không		x	- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Cơ quan xử lý	Phí, lệ phí	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Ủy ban nhân dân thành phố			Dịch vụ công trực tuyến mức độ (3, 4)	Dịch vụ bưu chính công ích	
10	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Ủy ban nhân dân thành phố.	25	07	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không		x	- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021.
11	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố (khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021).	07	05	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không		x	- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021.
12	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.	15	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không		x	- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021.

IV. Lĩnh vực đầu tư bằng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài và viện trợ phi chính phủ nước ngoài (09 TTHC)

Mục 1. Nguồn viện trợ phi chính phủ nước ngoài

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Cơ quan xử lý	Phí, lệ phí	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Ủy ban nhân dân thành phố			Dịch vụ công trực tuyến mức độ (3, 4)	Dịch vụ bưu chính công ích	
1	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài	20	Không quy định	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không			- Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020; - Quyết định số 1327/QĐ-BKHĐT ngày 28/8/2020.
2	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt khoản viện trợ là chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài	20	Không quy định	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không			- Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020; - Quyết định số 1327/QĐ-BKHĐT ngày 28/8/2020.
3	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt phi dự án sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài	20	Không quy định	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không			- Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020; - Quyết định số 1327/QĐ-BKHĐT ngày 28/8/2020.

Mục 2. Vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài

TT	Tên thủ tục hành chính		Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Cơ quan xử lý	Phí, lệ phí	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
			Sở Kế hoạch và Đầu tư	Ủy ban nhân dân thành phố			Dịch vụ công trực tuyến mức độ (3, 4)	Dịch vụ bưu chính công ích	
4	Lập, thẩm định, quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án sử dụng vốn ODA viện trợ không hoàn lại.		20	Không quy định	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không			- Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14; - Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020; - Quyết định số 828/QĐ-BKHĐT ngày 27/5/2020.
5	Quyết định chủ trương đầu tư chương trình, dự án nhóm C thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản.		30	10	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không			- Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14; - Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020; - Quyết định số 828/QĐ-BKHĐT ngày 27/5/2020.
6	Lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản	Đối với dự án đầu tư nhóm A (không có cấu phần xây dựng)	45	15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không			- Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14; - Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020; - Quyết định số 828/QĐ-BKHĐT ngày 27/5/2020.
		Đối với dự án đầu tư nhóm B, C (không có cấu phần xây dựng)	30	10					
7	Lập, phê duyệt kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng.		30	Không quy định	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không			- Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14; - Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020; - Quyết định số 828/QĐ-BKHĐT ngày 27/5/2020.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)		Cơ quan xử lý	Phí, lệ phí	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
		Sở Kế hoạch và Đầu tư	Ủy ban nhân dân thành phố			Dịch vụ công trực tuyến mức độ (3, 4)	Dịch vụ bưu chính công ích	
8	Lập, phê duyệt kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hàng năm.	Không quy định	Không quy định	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không			- Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14; - Nghị định số 56/2020/NĐ-CP ngày 25/5/2020; - Quyết định số 828/QĐ-BKHĐT ngày 27/5/2020.
9	Xác nhận chuyên gia nước ngoài làm việc cho chương trình dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, viện trợ không hoàn lại của nhà tài trợ nước ngoài	10	05	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không			- Thông tư liên tịch số 12/2010/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 28/5/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính; - Quyết định 1753/QĐ-BKHĐT ngày 28/11/2018
V. Lĩnh vực đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (01 TTHC)								
1	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018.	10	05	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không			- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018; - Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018.

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ (83 TTHC)

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện: Tại bộ phận một cửa	Phí, lệ phí (VNĐ)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyến mức độ (3,4)	Dịch vụ bưu chính công ích	
<p>I. Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp (51 TTHC)</p> <p>* Theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 của Chính phủ, việc đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử thực hiện tại Cổng Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và được xử lý tại Hệ thống Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Hiện tại, Hệ thống một cửa điện tử và dịch vụ công thành phố và Hệ thống Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp chưa được kết nối để xử lý hồ sơ. Do vậy, để thực hiện đăng ký doanh nghiệp trực tuyến cấp độ 4, doanh nghiệp thực hiện nộp hồ sơ tại Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (gọi tắt là DN).</p> <p>* Việc đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử thực hiện tại Cổng Thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sử dụng tài khoản đăng ký kinh doanh/chữ ký số để xác thực. Doanh nghiệp không cần nộp hồ sơ gốc (chỉ cần scan hồ sơ gốc để nộp qua mạng), có thể nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích.</p>							
1	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp.	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021.
2	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp.	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021.

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện: Tại bộ phận một cửa	Phí, lệ phí (VNĐ)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyến mức độ (3,4)	Dịch vụ bưu chính công ích	
3	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	* Lệ phí đăng ký DN: 50.000 VNĐ * Phí công bố nội dung đăng ký DN: 100.000 VNĐ * Miễn lệ phí thực hiện đăng ký DN đối với trường hợp thực hiện đăng ký DN qua mạng điện tử; miễn lệ phí đăng ký DN và phí cung cấp thông tin DN lần đầu đối với DN nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/08/2019; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021.
4	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	* Lệ phí đăng ký DN: 50.000 VNĐ * Phí công bố nội dung đăng ký DN: 100.000 VNĐ * Miễn lệ phí thực hiện đăng ký DN đối với trường hợp thực hiện đăng ký DN qua mạng điện tử; miễn lệ phí đăng ký DN và phí cung cấp thông tin DN lần đầu đối với DN nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh).	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021.
5	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	* Lệ phí đăng ký DN: 50.000 VNĐ * Phí công bố nội dung đăng ký DN: 100.000 VNĐ * Miễn lệ phí thực hiện đăng ký DN đối với trường hợp thực hiện đăng ký DN qua mạng điện tử; miễn lệ phí đăng ký DN và phí cung cấp thông tin DN lần đầu đối với DN nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh)	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021.

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện: Tại bộ phận một cửa	Phí, lệ phí (VNĐ)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyên mức độ (3,4)	Dịch vụ bưu chính công ích	
6	Đăng ký thành lập công ty cổ phần	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	* Lệ phí đăng ký DN: 50.000 VNĐ * Phí công bố nội dung đăng ký DN: 100.000 VNĐ * Miễn lệ phí thực hiện đăng ký DN đối với trường hợp thực hiện đăng ký DN qua mạng điện tử; miễn lệ phí đăng ký DN và phí cung cấp thông tin DN lần đầu đối với DN nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh)	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ- CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT- BTC; - Thông tư số 01/2021/TT- BKHT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ- BKHT ngày 30/6/2021.
7	Đăng ký thành lập công ty hợp danh	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	* Lệ phí đăng ký DN: 50.000 VNĐ * Phí công bố nội dung đăng ký DN: 100.000 VNĐ * Miễn lệ phí thực hiện đăng ký DN đối với trường hợp thực hiện đăng ký DN qua mạng điện tử; miễn lệ phí đăng ký DN và phí cung cấp thông tin DN lần đầu đối với DN nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh)	4	X	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ- CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT- BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT- BKHT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ- BKHT ngày 30/6/2021.
8	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	* Lệ phí đăng ký DN: 50.000 VNĐ * Phí công bố nội dung đăng ký DN: 100.000 VNĐ * Miễn lệ phí thực hiện đăng ký DN đối với trường hợp thực hiện đăng ký DN qua mạng điện tử; miễn phí trong trường hợp thay đổi địa giới hành chính dẫn đến thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ- CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT- BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT- BKHT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ- BKHT ngày 30/6/2021.

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện: Tại bộ phận một cửa	Phí, lệ phí (VNĐ)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyến mức độ (3,4)	Dịch vụ bưu chính công ích	
9	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đổi với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	* Lệ phí đăng ký DN: 50.000 VNĐ * Phí công bố nội dung đăng ký DN: 100.000 VNĐ * Miễn lệ phí thực hiện đăng ký DN đối với trường hợp thực hiện đăng ký DN qua mạng điện tử.	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ- CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT- BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT- BKHDĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ- BKHDĐT ngày 30/6/2021.
10	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	* Lệ phí đăng ký DN: 50.000 VNĐ * Phí công bố nội dung đăng ký DN: 100.000 VNĐ * Miễn lệ phí thực hiện đăng ký DN đối với trường hợp thực hiện đăng ký DN qua mạng điện tử.	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ- CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT- BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT- BKHDĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ- BKHDĐT ngày 30/6/2021.
11	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	* Lệ phí đăng ký DN: 50.000 VNĐ * Phí công bố nội dung đăng ký DN: 100.000 VNĐ * Miễn lệ phí thực hiện đăng ký DN đối với trường hợp thực hiện đăng ký DN qua mạng điện tử.	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ- CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT- BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT- BKHDĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ- BKHDĐT ngày 30/6/2021.

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện: Tại bộ phận một cửa	Phí, lệ phí (VNĐ)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trục tuyển mức độ (3,4)	Dịch vụ bưu chính công ích	
12	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh).	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	* Lệ phí đăng ký DN: 50.000 VNĐ * Phí công bố nội dung đăng ký DN: 100.000 VNĐ * Miễn lệ phí thực hiện đăng ký DN đối với trường hợp thực hiện đăng ký DN qua mạng điện tử.	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ- CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT- BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT- BKHDĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ- BKHDĐT ngày 30/6/2021.
13	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	* Lệ phí đăng ký DN: 50.000 VNĐ * Phí công bố nội dung đăng ký DN: 100.000 VNĐ * Miễn lệ phí thực hiện đăng ký DN đối với trường hợp thực hiện đăng ký DN qua mạng điện tử.	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ- CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT- BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT- BKHDĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ- BKHDĐT ngày 30/6/2021.
14	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	* Lệ phí đăng ký DN: 50.000 VNĐ * Phí công bố nội dung đăng ký DN: 100.000 VNĐ * Miễn lệ phí thực hiện đăng ký DN đối với trường hợp thực hiện đăng ký DN qua mạng điện tử.	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ- CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT- BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT- BKHDĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ- BKHDĐT ngày 30/6/2021.

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện: Tại bộ phận một cửa	Phí, lệ phí (VNĐ)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyến mức độ (3,4)	Dịch vụ bưu chính công ích	
15	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	* Lệ phí đăng ký DN: 50.000 VNĐ * Phí công bố nội dung đăng ký DN: 100.000 VNĐ * Miễn lệ phí thực hiện đăng ký DN đối với trường hợp thực hiện đăng ký DN qua mạng điện tử.	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021.
16	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	* Miễn lệ phí đăng ký DN * Phí công bố nội dung đăng ký DN: 100.000 VNĐ * Miễn lệ phí thực hiện đăng ký DN đối với trường hợp thực hiện đăng ký DN qua mạng điện tử.	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021.
17	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	* Lệ phí đăng ký DN: 50.000 VNĐ * Phí công bố nội dung đăng ký DN: 100.000 VNĐ * Miễn lệ phí thực hiện đăng ký DN đối với trường hợp thực hiện đăng ký DN qua mạng điện tử.	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021.
18	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	* Miễn lệ phí đăng ký DN * Phí công bố nội dung đăng ký DN: 100.000 VNĐ	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT-

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện: Tại bộ phần một cửa	Phí, lệ phí (VNĐ)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trục tuyến mức độ (3,4)	Dịch vụ bưu chính công ích	
							BKHĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ- BKHĐT ngày 30/6/2021.
19	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	* Miễn lệ phí đăng ký DN * Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 VNĐ	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ- CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT- BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT- BKHĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ- BKHĐT ngày 30/6/2021.
20	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ- CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT- BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT- BKHĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ- BKHĐT ngày 30/6/2021.
21	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đổi với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	* Lệ phí đăng ký DN: 50.000 VNĐ * Miễn lệ phí thực hiện đăng ký DN đối với trường hợp thực hiện đăng ký DN qua mạng điện tử.	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ- CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT- BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT- BKHĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ- BKHĐT ngày 30/6/2021.

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện: Tại bộ phận một cửa	Phí, lệ phí (VNĐ)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trục tuyển mức độ (3,4)	Dịch vụ bưu chính công ích	
22	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ- CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT- BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT- BKHDĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ- BKHDĐT ngày 30/6/2021.
23	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với DN hoạt động	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	* Lệ phí đăng ký DN: 50.000 VNĐ đối với trường hợp đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động. * Miễn lệ phí thực hiện đăng ký DN đối với trường hợp thực hiện đăng ký DN qua mạng điện tử.	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ- CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT- BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT- BKHDĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ- BKHDĐT ngày 30/6/2021.

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện: Tại bộ phận một cửa	Phí, lệ phí (VNĐ)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trục tuyển mức độ (3,4)	Dịch vụ bưu chính công ích	
	theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương						
24	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	* Lệ phí đăng ký DN: 50.000 VNĐ * Miễn lệ phí thực hiện đăng ký DN đối với trường hợp thực hiện đăng ký DN qua mạng điện tử.	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ- CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT- BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT- BKHDĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ- BKHDĐT ngày 30/6/2021.

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện: Tại bộ phận một cửa	Phí, lệ phí (VNĐ)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyển mức độ (3,4)	Dịch vụ bưu chính công ích	
	phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính						
25	Thông báo lập địa điểm kinh doanh	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	* Lệ phí đăng ký DN: 50.000 VNĐ * Miễn lệ phí thực hiện đăng ký DN đối với trường hợp thực hiện đăng ký DN qua mạng điện tử.	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ- CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT- BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT- BKHDĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ- BKHDĐT ngày 30/6/2021.

li

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện: Tại bộ phận một cửa	Phí, lệ phí (VNĐ)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trục tuyển mức độ (3,4)	Dịch vụ bưu chính công ích	
26	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	* Lệ phí đăng ký DN: 50.000 VNĐ * Miễn lệ phí thực hiện đăng ký DN đối với trường hợp thực hiện đăng ký DN qua mạng điện tử.	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021.
27	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	* Lệ phí đăng ký DN: 50.000 VNĐ đối với trường hợp đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động. * Miễn lệ phí thực hiện đăng ký DN đối với trường hợp thực hiện đăng ký DN qua mạng điện tử.	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021.

a

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện: Tại bộ phận một cửa	Phí, lệ phí (VNĐ)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyến mức độ (3,4)	Dịch vụ bưu chính công ích	
	đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính						
28	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	* Miễn lệ phí đăng ký DN * Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 VNĐ đối với trường hợp thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ- CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT- BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT- BKHDĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ- BKHDĐT ngày 30/6/2021.

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện: Tại bộ phận một cửa	Phí, lệ phí (VNĐ)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trục tuyển mức độ (3,4)	Dịch vụ bưu chính công ích	
29	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	* Lệ phí đăng ký DN: 50.000 VNĐ * Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 VNĐ * Miễn lệ phí thực hiện đăng ký DN đối với trường hợp thực hiện đăng ký DN qua mạng điện tử.	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT- BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT- BKHĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ- BKHĐT ngày 30/6/2021.
30	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	* Lệ phí đăng ký DN: 50.000 VNĐ * Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 VNĐ * Miễn lệ phí thực hiện đăng ký DN đối với trường hợp thực hiện đăng ký DN qua mạng điện tử.	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ- CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT- BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT- BKHĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ- BKHĐT ngày 30/6/2021.
31	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	* Lệ phí đăng ký DN: 50.000 VNĐ * Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 VNĐ * Miễn lệ phí thực hiện đăng ký DN đối với trường hợp thực hiện đăng ký DN qua mạng điện tử.	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ- CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT- BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT- BKHĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ- BKHĐT ngày 30/6/2021.

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện: Tại bộ phận một cửa	Phí, lệ phí (VNĐ)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyến mức độ (3,4)	Dịch vụ bưu chính công ích	
32	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	* Lệ phí đăng ký DN: 50.000 VNĐ * Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 VNĐ * Miễn lệ phí thực hiện đăng ký DN đối với trường hợp thực hiện đăng ký DN qua mạng điện tử.	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021.
33	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	* Lệ phí đăng ký DN: 50.000 VNĐ * Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 VNĐ * Miễn lệ phí thực hiện đăng ký DN đối với trường hợp thực hiện đăng ký DN qua mạng điện tử.	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021.
34	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	* Lệ phí đăng ký DN: 50.000 VNĐ * Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 VNĐ * Miễn lệ phí thực hiện đăng ký DN đối với trường hợp thực hiện đăng ký DN qua mạng điện tử.	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021.

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện: Tại bộ phận một cửa	Phí, lệ phí (VNĐ)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trục tuyến mức độ (3,4)	Dịch vụ bưu chính công ích	
35	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	* Lệ phí đăng ký DN: 50.000 VNĐ. * Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 VNĐ * Miễn lệ phí thực hiện đăng ký DN đối với trường hợp thực hiện đăng ký DN qua mạng điện tử.	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ- CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT- BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT- BKHDĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ- BKHDĐT ngày 30/6/2021.
36	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	* Lệ phí đăng ký DN: 50.000 VNĐ * Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 VNĐ * Miễn lệ phí thực hiện đăng ký DN đối với trường hợp thực hiện đăng ký DN qua mạng điện tử.	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ- CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT- BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT- BKHDĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ- BKHDĐT ngày 30/6/2021.
37	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	* Lệ phí đăng ký DN: 50.000 VNĐ * Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 VNĐ * Miễn lệ phí thực hiện đăng ký DN đối với trường hợp thực hiện đăng ký DN qua mạng điện tử.	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ- CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT- BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT- BKHDĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ- BKHDĐT ngày 30/6/2021.

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện: Tại bộ phận một cửa	Phí, lệ phí (VNĐ)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trục tuyển mức độ (3,4)	Dịch vụ bưu chính công ích	
38	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	* Lệ phí đăng ký DN: 50.000 VNĐ trong trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp * Miễn lệ phí thực hiện đăng ký DN đối với trường hợp thực hiện đăng ký DN qua mạng điện tử.	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021.
39	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	* Lệ phí đăng ký DN: 50.000 VNĐ * Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 VNĐ * Miễn lệ phí thực hiện đăng ký DN đối với trường hợp thực hiện đăng ký DN qua mạng điện tử.	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021.

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện: Tại bộ phận một cửa	Phí, lệ phí (VNĐ)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyến mức độ (3,4)	Dịch vụ bưu chính công ích	
40	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	<p>* Lệ phí đăng ký DN: 50.000 VNĐ đối với trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp</p> <p>* Miễn lệ phí trong các trường hợp: không làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp quy định tại các điều từ Điều 56 đến Điều 60 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; cập nhật, bổ sung thông tin về số điện thoại, số fax, thư điện tử, website, địa chỉ của doanh nghiệp do thay đổi về địa giới hành chính; thực hiện đăng ký DN qua mạng điện tử</p> <p>* Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 VNĐ đối với trường hợp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p>	4	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021.
41	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	4	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021.

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện: Tại bộ phận một cửa	Phí, lệ phí (VNĐ)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyến mức độ (3,4)	Dịch vụ bưu chính công ích	
42	Giải thể doanh nghiệp	03 ngày đối với thông báo quyết định giải thể và 7 ngày đối với giải thể doanh nghiệp	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021.
43	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021.
44	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021.

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện: Tại bộ phận một cửa	Phí, lệ phí (VNĐ)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trục tuyển mức độ (3,4)	Dịch vụ bưu chính công ích	
45	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ- CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT- BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT- BKHDĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ- BKHDĐT ngày 30/6/2021.
46	Chấm dứt cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ- CP ngày 04/01/2021; - Nghị định số 47/2021/NĐ- CP ngày 01/4/2021; - Thông tư số 47/2019/TT- BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT- BKHDĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ- BKHDĐT ngày 30/6/2021.
47	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ- CP ngày 04/01/2021; - Nghị định số 47/2021/NĐ- CP ngày 01/4/2021; - Thông tư số 47/2019/TT- BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT- BKHDĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ- BKHDĐT ngày 30/6/2021.

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện: Tại bộ phận một cửa	Phí, lệ phí (VNĐ)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyến mức độ (3,4)	Dịch vụ bưu chính công ích	
48	Thông báo thay đổi nội dung cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021; - Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021.
49	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	* Lệ phí đăng ký DN: 50.000 VNĐ * Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 VNĐ * Miễn lệ phí thực hiện đăng ký DN đối với trường hợp thực hiện đăng ký DN qua mạng điện tử.	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021; - Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021.

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện: Tại bộ phận một cửa	Phí, lệ phí (VNĐ)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyến mức độ (3,4)	Dịch vụ bưu chính công ích	
50	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> * Lệ phí đăng ký DN: 50.000 VNĐ * Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 VNĐ * Miễn lệ phí thực hiện đăng ký DN đối với trường hợp thực hiện đăng ký DN qua mạng điện tử. 	4	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021.

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện: Tại bộ phận một cửa	Phí, lệ phí (VNĐ)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyến mức độ (3,4)	Dịch vụ bưu chính công ích	
51	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	* Lệ phí đăng ký DN: 50.000 VNĐ * Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với trường hợp cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 100.000 VNĐ * Miễn lệ phí thực hiện đăng ký DN đối với trường hợp thực hiện đăng ký DN qua mạng điện tử.	4	x	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021; - Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021.

II. Lĩnh vực thành lập và hoạt động của Liên hiệp hợp tác xã, tổ chức tín dụng là hợp tác xã (15 TTHC):

Việc nộp hồ sơ có thể thực hiện trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đăng ký doanh nghiệp (Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư) hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích. Phòng Đăng ký kinh doanh xử lý hồ sơ trên Cổng thông tin quốc gia về hợp tác xã, trả kết quả trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích. Lệ phí được nộp trực tiếp hoặc thông qua tài khoản ngân hàng.

1	Đăng ký thành lập liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	* Lệ phí: 100.000 VNĐ		x	- Luật Hợp tác xã năm 2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014; - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019; - Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019.
---	---	----	-----------------------	-----------------------	--	---	--

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện: Tại bộ phận một cửa	Phí, lệ phí (VNĐ)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trục tuyến mức độ (3,4)	Dịch vụ bưu chính công ích	
2	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân	03	Sở Kế hoạch và Đầu tur	* Lệ phí: 50.000 VNĐ		x	- Luật Hợp tác xã năm 2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014; - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng; - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019; - Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019.
3	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân	03	Sở Kế hoạch và Đầu tur	* Lệ phí: 50.000 VNĐ		x	- Luật Hợp tác xã năm 2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014; - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019; - Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019.
4	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân	03	Sở Kế hoạch và Đầu tur	* Lệ phí: 50.000 VNĐ		x	- Luật Hợp tác xã năm 2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014; - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019; - Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019.

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện: Tại bộ phận một cửa	Phí, lệ phí (VNĐ)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyển mức độ (3,4)	Dịch vụ bưu chính công ích	
5	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân chia	03	Sở Kế hoạch và Đầu tur	* Lệ phí: 100.000 VNĐ		x	- Luật Hợp tác xã năm 2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ- CP ngày 21/11/2013; - Thông tư số 03/2014/TT- BKHĐT ngày 26/5/2014; - Nghị quyết số 45/2018/NQ- HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng - Thông tư số 07/2019/TT- BKHĐT ngày 08/4/2019; - Quyết định số 654/QĐ- BKHĐT ngày 08/5/2019.
6	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân tách	03	Sở Kế hoạch và Đầu tur	* Lệ phí: 100.000 VNĐ		x	- Luật Hợp tác xã năm 2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ- CP ngày 21/11/2013; - Thông tư số 03/2014/TT- BKHĐT ngày 26/5/2014; - Nghị quyết số 45/2018/NQ- HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng - Thông tư số 07/2019/TT- BKHĐT ngày 08/4/2019 - Quyết định số 654/QĐ- BKHĐT ngày 08/5/2019
7	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân hợp nhất	03	Sở Kế hoạch và Đầu tur	* Lệ phí: 100.000 VNĐ		x	- Luật Hợp tác xã năm 2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ- CP ngày 21/11/2013; - Thông tư số 03/2014/TT- BKHĐT ngày 26/5/2014; - Nghị quyết số 45/2018/NQ- HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng - Thông tư số 07/2019/TT- BKHĐT ngày 08/4/2019; - Quyết định số 654/QĐ- BKHĐT ngày 08/5/2019.
8	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân	03	Sở Kế hoạch và Đầu tur	* Lệ phí: 100.000 VNĐ		x	- Luật Hợp tác xã năm 2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ- CP ngày 21/11/2013; - Thông tư số 03/2014/TT- BKHĐT ngày 26/5/2014;

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện: Tại bộ phận một cửa	Phí, lệ phí (VNĐ)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyến mức độ (3,4)	Dịch vụ bưu chính công ích	
	sáp nhập						- Nghị quyết số 45/2018/NQ- HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng - Thông tư số 07/2019/TT- BKHDĐT ngày 08/4/2019; - Quyết định số 654/QĐ- BKHDĐT ngày 08/5/2019.
9	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng.	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	* Lệ phí: 100.000 VNĐ		x	- Luật Hợp tác xã năm 2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ- CP ngày 21/11/2013; - Thông tư số 03/2014/TT- BKHDĐT ngày 26/5/2014; - Nghị quyết số 45/2018/NQ- HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng - Thông tư số 07/2019/TT- BKHDĐT ngày 08/4/2019; - Quyết định số 654/QĐ- BKHDĐT ngày 08/5/2019.
10	Giải thể tự nguyện liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không quy định		x	- Luật Hợp tác xã năm 2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ- CP ngày 21/11/2013; - Thông tư số 03/2014/TT- BKHDĐT ngày 26/5/2014; - Nghị quyết số 45/2018/NQ- HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng - Thông tư số 07/2019/TT- BKHDĐT ngày 08/4/2019 - Quyết định số 654/QĐ- BKHDĐT ngày 08/5/2019
11	Thông báo	03	Sở Kế	Không quy định		x	- Luật Hợp tác xã năm 2012;

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện: Tại bộ phận một cửa	Phí, lệ phí (VNĐ)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyến mức độ (3,4)	Dịch vụ bưu chính công ích	
	thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân.		hoạch và Đầu tư				- Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014; - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019; - Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019.
12	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không quy định		x	- Luật Hợp tác xã năm 2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014; - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019; - Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019.
13	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không quy định		x	- Luật Hợp tác xã năm 2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/5/2014; - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT ngày 08/4/2019; - Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019.
14	Châm dứt hoạt động của chi nhánh, văn	03	Sở Kế hoạch và Đầu	Không quy định		x	- Luật Hợp tác xã năm 2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013;

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện: Tại bộ phận một cửa	Phí, lệ phí (VNĐ)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyển mức độ (3,4)	Dịch vụ bưu chính công ích	
	phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân		tư				- Thông tư số 03/2014/TT- BKHĐT ngày 26/5/2014; - Nghị quyết số 45/2018/NQ- HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng - Thông tư số 07/2019/TT- BKHĐT ngày 08/4/2019 - Quyết định số 654/QĐ- BKHĐT ngày 08/5/2019
15	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	* Lệ phí: 100.000 VNĐ		x	- Luật Hợp tác xã năm 2012; - Nghị định số 193/2013/NĐ- CP ngày 21/11/2013; - Thông tư số 03/2014/TT- BKHĐT ngày 26/5/2014; - Nghị quyết số 45/2018/NQ- HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng - Thông tư số 07/2019/TT- BKHĐT ngày 08/4/2019 - Quyết định số 654/QĐ- BKHĐT ngày 08/5/2019

III. Lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (07 TTHC)

1	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi ngiệp sáng tạo	15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không		x	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017; - Nghị định số 38/2018/NĐ- CP ngày 11/3/2018; - Quyết định số 1397/QĐ- BKHĐT ngày 21/9/2018.
2	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi ngiệp sáng tạo	15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không		x	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017; - Nghị định số 38/2018/NĐ- CP ngày 11/3/2018; - Quyết định số 1397/QĐ- BKHĐT ngày 21/9/2018.
3	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi ngiệp sáng tạo	15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không		x	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017; - Nghị định số 38/2018/NĐ- CP ngày 11/3/2018; - Quyết định số 1397/QĐ- BKHĐT ngày 21/9/2018.

T T	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện: Tại bộ phận một cửa	Phí, lệ phí (VNĐ)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyến mức độ (3,4)	Dịch vụ bưu chính công ích	
4	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo	15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không		x	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017; - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018; - Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018.
5	Thông báo chuyên nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư	Không quy định	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không		x	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017; - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018; - Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018.
6	Thủ tục đề nghị hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn	Không quy định	Cơ quan hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa	Không		x	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017; - Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/03/2018; - Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018; - Thông tư số 06/2019/TT-BKHĐT 29/3/2019.
7	Thủ tục hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp	03	Cơ quan đầu mối tư vấn, hướng dẫn do Ủy ban nhân dân thành phố giao	Không		x	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017; - Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/03/2018; - Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện: Tại bộ phận một cửa	Phí, lệ phí (VNĐ)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyến mức độ (3,4)	Dịch vụ bưu chính công ích	

IV. Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam (10 TTHC)

1	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố.	Trường hợp thay đổi tên dự án đầu tư, tên nhà đầu tư	03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021.
	Trường hợp khác	10					
2	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021
3	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư Ủy ban nhân dân thành phố hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		Không quy định	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021
4	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.		Không quy định	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021

TT	Tên thủ tục hành chính		Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện: Tại bộ phận một cửa	Phí, lệ phí (VNĐ)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
						Dịch vụ công trực tuyến mức độ (3,4)	Dịch vụ bưu chính công ích	
5	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư		15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không	x		- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021
6	Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	Cấp lại thông tin	05	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không		x	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021
		Hiệu đính thông tin	03					
7	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư		03	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không		x	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021
8	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài		15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không		x	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021
9	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC		15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không		x	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện: Tại bộ phận một cửa	Phí, lệ phí (VNĐ)	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyến mức độ (3,4)	Dịch vụ bưu chính công ích	
10	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC	15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Không		x	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021; - Quyết định số 701/QĐ-BKHĐT ngày 02/6/2021

D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN (21 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện: Tại bộ phận một cửa	Phí, lệ phí	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyến mức độ (3, 4)	Dịch vụ bưu chính công ích	
I. Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh (05 TTHC)							
1	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	03	Ủy ban nhân dân cấp huyện	* Lệ phí: 100.000 VNĐ		x	Nghị định số 01/2021/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 01/2021//TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng (gọi tắt là Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND); Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021.
2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	03	Ủy ban nhân dân cấp huyện	* Lệ phí: 100.000 VNĐ		x	Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; Thông tư số 01/2021//TT-BKHĐT; Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND; Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021.
3	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh	03	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không		x	Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; Thông tư số 01/2021//TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND; Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021.
4	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	Không quy định	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không quy định		x	Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; Thông tư số 01/2021//TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND; Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện: Tại bộ phận một cửa	Phí, lệ phí	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyến mức độ (3, 4)	Dịch vụ bưu chính công ích	
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	03	Ủy ban nhân dân cấp huyện	* Lệ phí: 50.000 VNĐ		x	Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; Thông tư số 01/2021//TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND; Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021.

II. Lĩnh vực thành lập và hoạt động của Hợp tác xã (16 TTHC)

Theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, việc tiếp nhận và xử lý hồ sơ được thực hiện tại Hệ thống Thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại, việc đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử chưa được thực hiện được tại Hệ thống Thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã. Đồng thời, Hệ thống một cửa điện tử và dịch vụ công thành phố chưa được kết nối với Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký hợp tác xã. Do vậy, hồ sơ được nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

1	Đăng ký thành lập hợp tác xã	03	Ủy ban nhân dân cấp huyện	* Lệ phí: 100.000 VNĐ		x	Luật Hợp tác xã; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND; Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019.
2	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	03	Ủy ban nhân dân cấp huyện	* Lệ phí: 50.000 VNĐ		x	Luật Hợp tác xã; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT. Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND; Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019;.
3	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	03	Ủy ban nhân dân cấp huyện	* Lệ phí: 100.000 VNĐ		x	Luật Hợp tác xã; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND; Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019;

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện: Tại bộ phận một cửa	Phí, lệ phí	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyến mức độ (3, 4)	Dịch vụ bưu chính công ích	
4	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	03	Ủy ban nhân dân cấp huyện	* Lệ phí: 50.000 VNĐ		x	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND; - Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019.
5	Đăng ký khi hợp tác xã chia	03	Ủy ban nhân dân cấp huyện	* Lệ phí: 100.000 VNĐ		x	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND; - Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019.
6	Đăng ký khi hợp tác xã tách	03	Ủy ban nhân dân cấp huyện	* Lệ phí: 100.000 VNĐ			- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND; - Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019.
7	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	03	Ủy ban nhân dân cấp huyện	* Lệ phí: 100.000 VNĐ		x	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND; - Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019.
8	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	03	Ủy ban nhân dân cấp huyện	* Lệ phí: 100.000 VNĐ		x	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND; - Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019.

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện: Tại bộ phận một cửa	Phí, lệ phí	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyến mức độ (3, 4)	Dịch vụ bưu chính công ích	
9	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã (trong trường hợp bị mất hoặc bị hư hỏng)	03	Ủy ban nhân dân cấp huyện	* Lệ phí: 50.000 VNĐ		x	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND; - Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019.
10	Giải thể tự nguyện hợp tác xã	03	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không quy định		x	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND; - Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019.
11	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	03	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không quy định		x	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND; - Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019.
12	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	03	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không quy định		x	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND; - Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019.
13	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	03	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không quy định		x	- Luật Hợp tác xã; - Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; - Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. - Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND; - Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019..

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện: Tại bộ phận một cửa	Phí, lệ phí	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyến mức độ (3, 4)	Dịch vụ bưu chính công ích	
14	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	03	Ủy ban nhân dân cấp huyện	Không quy định		x	Luật Hợp tác xã; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND; Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019.
15	Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	03	Ủy ban nhân dân cấp huyện	* Lệ phí: 50.000 VNĐ		x	Luật Hợp tác xã; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND; Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019..
16	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	05	Ủy ban nhân dân cấp huyện	* Lệ phí: 50.000 VNĐ		x	Luật Hợp tác xã; Nghị định số 193/2013/NĐ-CP; Thông tư số 03/2014/TT-BKHĐT. Thông tư số 07/2019/TT-BKHĐT Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND; Quyết định số 654/QĐ-BKHĐT ngày 08/5/2019.

E. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ (03 TTHC)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Địa điểm thực hiện: Tại bộ phận một cửa	Phí, lệ phí	Cách thức thực hiện ngoài nộp hồ sơ, nhận kết quả trực tiếp		Căn cứ pháp lý
					Dịch vụ công trực tuyến mức độ (3, 4)	Dịch vụ bưu chính công ích	
I. Lĩnh vực thành lập và hoạt động của tổ hợp tác (03 TTHC)							
1	Thông báo thành lập Tổ hợp tác	Ngay tại thời điểm nhận hồ sơ	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không			- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13; - Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019; - Quyết định số 1831/QĐ-BKHĐT ngày 21/11/2019.
2	Thông báo thay đổi tổ hợp tác	Ngay tại thời điểm nhận hồ sơ	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không			- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13; - Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019; - Quyết định số 1831/QĐ-BKHĐT ngày 21/11/20.
3	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	Ngay tại thời điểm nhận hồ sơ	Ủy ban nhân dân cấp xã	Không			- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13; - Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10/10/2019; - Quyết định số 1831/QĐ-BKHĐT ngày 21/11/20.

